

Số: 2329/TB – PVSM

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI THẦU

Tên gói thầu: Mua sắm vật tư phục vụ Lắp đặt hệ thống điện, năng lượng tại các bãi cảng trực 30T, 50T, 60T phục vụ sản xuất dự án đóng mới tàu Suezmax – Samsung

Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí (PVSM) thông báo về việc tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm vật tư phục vụ Lắp đặt hệ thống điện, năng lượng tại các bãi cảng trực 30T, 50T, 60T phục vụ sản xuất dự án đóng mới tàu Suezmax – Samsung, cụ thể như sau:

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí;
- Tên gói thầu: Mua sắm vật tư phục vụ Lắp đặt hệ thống điện, năng lượng tại các bãi cảng trực 30T, 50T, 60T phục vụ sản xuất dự án đóng mới tàu Suezmax – Samsung;
- + Nội dung gói thầu: Mua sắm vật tư phục vụ Lắp đặt hệ thống điện, năng lượng tại các bãi cảng trực 30T, 50T, 60T phục vụ sản xuất dự án đóng mới tàu Suezmax – Samsung;
- + Thời gian thực hiện gói thầu: Giao hàng trong vòng 30 – 40 ngày kể từ ngày hợp đồng/đơn đặt hàng có hiệu lực.
- + Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
- Nguồn vốn: Sản xuất kinh doanh năm 2026.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Mời thầu rộng rãi (đăng thông tin trên website của PVSM);
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ;
- Thời gian phát hành HSMT: Từ ngày đăng tải thông báo mời thầu đến trước thời điểm đóng thầu (09 giờ 00' ngày 18 / 8 / 2026);
- Địa điểm phát hành HSMT: Hồ sơ được phát hành miễn phí trên hệ thống trang web <http://pvsm.vn> (liên hệ: Ông Đỗ Đình Đoàn – email: doandd@pvsm.vn, ĐT: +84 255 3620 055, DD: 0399 558 990).
- Thời gian chuẩn bị HSDT: 07 ngày kể từ ngày phát hành thông báo mời thầu.
- Hiệu lực của hồ sơ dự thầu: 60 ngày kể từ thời điểm mở thầu.
- HSDT phải được đóng thành tập và ký, đóng dấu bởi đại diện có thẩm quyền và gửi (trực tiếp hoặc phát nhanh) theo địa chỉ sau:



- + Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí.
- + Địa chỉ: Thôn Tân Hy, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi.
- + Điện thoại: +84 255 3620 055; Fax: +84 255 3611464
- Thời gian đóng thầu: Lúc 09h00' ngày 18/8/2026;
- Thời gian mở thầu: Lúc 09h30' ngày 18/8/2026;
- Địa điểm mở thầu: Phòng Thương mại Thị trường, Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí.

Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí (PVSM) trân trọng thông báo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTV (e- copy đề b/c);
- TGD công ty (đề b/c)
- KSV PVSM. (e- copy);
- Lưu: VT; TMTT, A.05.

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Phi Hải



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên gói thầu:	Mua sắm vật tư phục vụ Lắp đặt hệ thống điện, năng lượng tại các bãi cảng trục 30T, 50T, 60T phục vụ sản xuất dự án đóng mới tàu Suezmax – Samsung
Bên mời thầu:	Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí

Quảng Ngãi, năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên gói thầu:	Mua sắm vật tư phục vụ Lắp đặt hệ thống điện, năng lượng tại các bãi công trực 30T, 50T, 60T phục vụ sản xuất dự án đóng mới tàu Suezmax – Samsung
Bên mời thầu:	Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí
Ban hành kèm theo Quyết định:	Số: 0084./QĐ-PVSM ngày 12/.../2026

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 8 năm 2026

TỔ CHUYÊN GIA

**CÔNG TY TNHH MTV
ĐÓNG TÀU VÀ CÔNG NGHIỆP
CƠ KHÍ DẦU KHÍ**

Nguyễn Thanh Thái

Trần Duy Nghĩa

Phạm Thị Anh

Phạm Quang Lý



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Phi Hải

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Chương I. Yêu cầu nộp Hồ sơ dự thầu

Chương II. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương III. Dự thảo hợp đồng

MÔ TẢ TÓM TẮT

Chương I. Yêu cầu nộp Hồ sơ dự thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị báo giá. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh/mời thầu rộng rãi (không theo luật đấu thầu).

Chương II. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của yêu cầu báo giá và báo giá.

Chương III. Dự thảo hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Chương này được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word do Bên mời thầu chuẩn bị theo mẫu.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TMT/TMCH/TBMT	Thư mời thầu/Thư mời chào hàng/ Thông báo mời thầu
VND	đồng Việt Nam
Hồ sơ chào hàng/ Hồ sơ mời thầu	Là thư do PVSM ban hành gửi cho NCC/NT
Hồ sơ chào giá/ Hồ sơ chào hàng/ Hồ sơ dự thầu	Là hồ sơ chào giá/chào hàng/ dự thầu do NCC/NT gửi đến PVSM
Biểu mẫu	Gồm các biểu mẫu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của yêu cầu báo giá và báo giá
PDF	Định dạng tài liệu được cố định theo tiêu chuẩn của hãng Adobe Systems để tài liệu được hiển thị như nhau trên mọi môi trường làm việc
Excel	Định dạng tài liệu theo dạng bảng biểu của hãng Microsoft dùng trong việc tính toán, nhập dữ liệu
Word	Định dạng tài liệu theo dạng văn bản của hãng Microsoft dùng trong việc trình bày, nhập dữ liệu

Chương I. YÊU CẦU NỘP HỒ SƠ DỰ THẦU

Mục 1. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Hạch toán tài chính độc lập;
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
3. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Là doanh nghiệp cấp nhỏ hoặc siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp trong trường hợp nhà thầu tham dự gói thầu xây lắp.

Mục 2. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc theo yêu cầu của yêu cầu báo giá vào các Mẫu trong Chương II.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với giá đã chào.

2. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn chào hàng (bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá, giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giá trị giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu.

Mục 3. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng;
2. Biểu giá theo Mẫu trong Chương II (tùy theo loại gói thầu);

Mục 4. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Hồ sơ dự thầu đáp ứng các yêu cầu tại Mục 8;
2. Có giá chào thấp nhất và không vượt giá gói thầu được duyệt.

Mục 5. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng/dự thầu.

Mục 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Điều 9 Chương III.

Mục 7. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh/dự thầu khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

Mục 8. Các yêu cầu khác

8.1. Tiêu chuẩn về năng lực nhà thầu đánh giá về kỹ thuật

TCDG về mặt kỹ thuật sử dụng tiêu chí "đạt", "không đạt". HS Nhà thầu được đánh giá là đạt về mặt kỹ thuật khi tất cả các nội dung đánh giá nêu ở các tiêu chí chi tiết dưới đây được xác định là "đạt" hoặc "chấp nhận được". Chi tiết cụ thể theo bảng sau:

STT	NỘI DUNG	ĐIỀU KIỆN	ĐÁNH GIÁ
1	Năng lực về tài chính		
1.1	Có báo cáo tài chính trong 03 năm gần nhất 2023, 2024, 2025 trong đó: - Doanh thu bình quân hằng năm (<i>không bao gồm thuế VAT</i>) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là: 7.432.000.000 đồng/năm. - Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương (<i>Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ</i>)	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
1.2	Yêu cầu về nguồn lực tài chính: - Nhà thầu cung cấp cam kết tín dụng của ngân hàng hoặc xác nhận tài khoản tiền gửi ngân hàng để thực hiện gói thầu có giá trị tối thiểu 1.635.000.000 đồng. - Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: 40 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
2	Năng lực về kinh nghiệm		
2.1	Có Giấy phép đăng ký kinh doanh (ĐKKD), ngành nghề phù hợp với gói thầu tham gia	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
2.2	Nhà thầu đã có thời gian hoạt động liên tục: 03 năm trong lĩnh vực mua bán cung cấp vật tư /thiết bị.	Đáp ứng	Đạt/ không đạt

STT	NỘI DUNG	ĐIỀU KIỆN	ĐÁNH GIÁ
2.3	Có ít nhất 01 Hợp đồng mua bán cung cấp vật tư/ thiết bị trong 03 năm gần đây có tổng giá trị thực hiện tối thiểu 2.725.000.000 đồng với tư cách là nhà thầu chính/nhà thầu phụ.	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
3	Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực Kỹ thuật/ nội dung công việc		
	Nhà thầu đáp ứng tất cả các yêu cầu kỹ thuật/ nội dung công việc, đặc tính của hàng hóa tại mục 8.2 (Chương I- của HSMT) về Yêu cầu về thông số kỹ thuật/ nội dung công việc mời thầu (kèm theo HSMT).	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
4	Các yêu cầu khác		
4.1	Yêu cầu về tiến độ và điều kiện và thời hạn thanh toán:		
	Giao hàng trong vòng 30 – 40 ngày kể từ ngày hợp đồng/đơn đặt hàng có hiệu lực	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
	Điều kiện và thời hạn thanh toán: đàm phán khi ký hợp đồng	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
4.2	Chất lượng, thời gian sản xuất		
	- Nhà thầu có cam kết cung cấp thiết bị/Hàng hóa mới 100% đảm bảo chất lượng, chưa qua sử dụng.	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
4.3	Cam kết Bảo hành của nhà thầu		
	Nhà thầu có cam kết: - Bảo hành: Toàn bộ phạm vi công việc của gói thầu được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Trong thời gian bảo hành, nhà thầu có trách nhiệm kiểm tra, khắc phục các lỗi phát sinh thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà thầu. - Địa điểm để áp dụng bảo hành: Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí (PVSM), Khu công nghiệp phía Đông Khu kinh tế Dung Quất, Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi).	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
4.4	Cam kết bảo lãnh của nhà thầu		

STT	NỘI DUNG	ĐIỀU KIỆN	ĐÁNH GIÁ
	Nhà thầu có cam kết: - Mở bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng của ngân hàng (sẽ đàm phán cụ thể khi đàm phán ký hợp đồng)	Đáp ứng	Đạt/ không đạt
	Kết luận HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí trên được đánh giá là đạt. HSDT không đạt một trong các tiêu chí trên thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.	Đáp ứng	Đạt/ không đạt

8.2. Yêu cầu về thông số kỹ thuật/ nội dung mời thầu

8.2.1. Phạm vi công việc: Mua sắm vật tư phục vụ Lắp đặt hệ thống điện, năng lượng tại các bãi công trực 30T, 50T, 60T phục vụ sản xuất dự án đóng mới tàu Suezmax – Samsung:

STT	Nội dung	ĐVT	Khối lượng	Hãng sx/XX	Ghi chú
I	HỆ THỐNG ĐIỆN				
1	Cáp ngầm 0,6/1 kV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3 × 240 + 1 × 120 mm ²	m	100	Goldcup	
2	Cáp ngầm 0,6/1 kV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3 × 120 + 1 × 70 mm ²	m	400	Goldcup	
3	Cáp ngầm 0,6/1 kV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3 × 35 + 1 × 16 mm ²	m	800	Goldcup	
4	Tủ điện 3P- 630A (<i>bao gồm các thiết bị được đấu nối trong tủ, tính cho 01 tủ</i>)	cái	6	Việt Nam	
4.1	MCCB 3P - 630A-45kA ABN803c	cái	1	LS/Korea	
4.2	MCCB 3P - 200A-30kA ABN203c	cái	6	LS/Korea	
4.3	Đồng hồ đa chức năng 96NY-3D	cái	1	Andeli/ China	

STT	Nội dung	ĐVT	Khối	Hãng sx/XX	Ghi chú
4.4	Biến dòng 600/5A MSQ-600/5a	cái	3	Andeli/ China	
4.5	Đèn báo pha Đ,V,X AD16-22DS	cái	3	Andeli/ China	
4.6	Cầu chì 5A RT18-32x	cái	3	Andeli/ China	
4.7	Vỏ tủ điện, 2 lớp cánh (ngoài trời INOX 304, kt: 1500x1000x400mm, INOX 304 dày 1.2mm, Chân đế cao 500mm dày 3mm mạ kẽm nhúng nóng)	bộ	1	Việt Nam	
4.8	Thanh cái đồng chính	bộ	1	Việt Nam	Bao gồm
4.9	Thanh cái đồng nhánh	bộ	1	Việt Nam	Bao gồm
4.10	Thanh cái trung tính, tiếp địa	bộ	1	Việt Nam	Bao gồm
4.11	Vật tư phụ: Sứ đỡ thanh cái, co nhiệt, thanh ray, máng nhựa, đầu cos, tem nhãn...	bộ	1	Việt Nam	Bao gồm
5	Tủ điện 3P- 400A (bao gồm các thiết bị được đấu nối trong tủ, tính cho 01 tủ)	cái	32	Việt Nam	
5.1	MCCB 3P - 400A-42kA ABN403c	cái	1	LS/Korea	Bao gồm
5.2	MCCB 3P - 200A-30kA ABN203c	cái	6	LS/Korea	Bao gồm
5.3	Đồng hồ đa chức năng 96NY-3D	cái	1	Andeli/ China	Bao gồm
5.4	Biến dòng 400/5A MSQ-400/5a	cái	3	Andeli/ China	Bao gồm
5.5	Đèn báo pha Đ,V,X AD16-22DS	cái	3	Andeli/ China	Bao gồm
5.6	Cầu chì 5A RT18-32x	cái	3	Andeli/ China	Bao gồm
5.7	Vỏ tủ điện, 2 lớp cánh (ngoài trời INOX 304, kt: 1400x900x400mm, INOX 304 dày 1.2mm, Chân đế cao 200mm dày 3mm mạ kẽm nhúng nóng)	bộ	1	Việt Nam	Bao gồm
5.8	Thanh cái đồng chính	bộ	1	Việt Nam	Bao gồm
5.9	Thanh cái đồng nhánh	bộ	1	Việt Nam	Bao gồm
5.10	Thanh cái trung tính, tiếp địa	bộ	1	Việt Nam	Bao gồm

STT	Nội dung	ĐVT	Khối	Hãng sx/XX	Ghi chú
5.11	Vật tư phụ: Sứ đỡ thanh cái, co nhiệt, thanh ray, máng nhựa, đầu cos, tem nhãn...	bộ	1	Việt Nam	Bao gồm
6	Máy biến áp 1 pha 10 kVA, model BTA2-1P-10K(22/24), đầu vào 0-220 V/1P, đầu ra 0-24 V/1P, dây quấn đồng	cái	15	Việt Nam/FUSHIN	
7	Cáp điện cao su 300/500 V - Cu/NR/NR 2 × 2,5 mm ²	m	3.000	Jeli	
8	Hộp nối dây E265/4aX	cái	120	Việt Nam	
9	Ổ cắm kín nước 16A-220V/Phích cắm công nghiệp 3 × 16A IP44, loại cố định	cái	240	Việt Nam	
10	Đầu cốt SC 240-12/Đầu nối cáp SC 240-12	cái	100	Việt Nam	
11	Bộ đèn pha LED 220V-400W, vỏ đèn Trung Quốc, chip và nguồn Philips, ánh sáng vàng	bộ	40	Việt Nam	
12	Đầu cốt SC 35-10/Đầu nối cáp SC 35-10	cái	200	Việt Nam	
II	HỆ THỐNG NĂNG LƯỢNG				
13	Van bi 2PC inox 304 nối ren, DN8 (1/4")	cái	400	Trung Quốc	
14	Van bi 2PC inox 304 nối ren, DN20 (3/4")	cái	100	Trung Quốc	
15	Nối thẳng 1/4" BSPP-R1/4"	cái	400	Trung Quốc	
16	Nối thẳng 3/4" BSPP-R3/4"	cái	100	Trung Quốc	
17	Ống thép đúc D48.3x3.68mmx6000mm ASTM A106 Gr.B (42m ống)	kg	170,1	Trung Quốc	
18	Van giảm áp dùng cho khí LPG YMT-107, có đồng hồ và tem kiểm định	bộ	15	Trung Quốc	

STT	Nội dung	ĐVT	Khối	Hãng sx/XX	Ghi chú
19	Ống cao su bố 4P × 19, áp suất 23 bar, bắm 2 đầu nổi ren 3/4", dài 20 m/cuộn	cuộn	120	Trung Quốc	
III	VẬT TƯ TIÊU HAO				
20	Keo lụa Phú Thịnh 5 m (cao su non)	cuộn	200	Việt Nam	
21	Băng keo điện	cuộn	200	Shinko Along	

** Ghi chú: Thông số về kỹ thuật, tên hàng hoá chính xác có thể thay đổi theo kết quả kiểm tra thực tế nhưng không làm thay đổi chất lượng của Hàng hóa.*

Chương II. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Bên mời thầu	Nhà thầu
I	Biểu mẫu cho gói thầu mua sắm hàng hóa	Gửi kèm HSCH		
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp và tiến độ thực hiện		X	
2	Mẫu số 01B. Các dịch vụ liên quan		X	
3	Mẫu số 02. Bảng đề xuất tiến độ			X
4	Mẫu số 03. Bảng giá dự thầu của hàng hóa			X
5	Mẫu số 04. Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan (nếu có)			X
II	Biểu mẫu cho gói thầu xây lắp			
1	Mẫu số 01. Bảng khối lượng mời thầu và tiến độ thực hiện		X	
2	Mẫu số 02. Yêu cầu nhân sự chủ chốt		X	
3	Mẫu số 03. Bảng đề xuất nhân sự			X
4	Mẫu số 04. Bảng tiến độ thực hiện			X
5	Mẫu số 05. Bảng tổng hợp giá dự thầu			X
6	Mẫu số 06. Cam kết thực hiện gói thầu xây lắp			X
III	Biểu mẫu cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn	Gửi kèm HSCH		
1	Mẫu số 01. Phạm vi cung cấp và tiến độ thực hiện		X	
2	Mẫu số 02. Bảng đề xuất tiến độ			X
3	Mẫu số 03. Bảng tổng hợp giá dự thầu			X
IV	Đơn chào hàng (chung cho 3 loại gói thầu xây lắp, hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn)			
1	Đơn chào hàng			X

PHẠM VI CUNG CẤP VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

(Gói thầu Mua sắm vật tư phục vụ Lắp đặt hệ thống điện, năng lượng tại các bãi công trực 30T, 50T, 60T phục vụ sản xuất dự án
đóng mới tàu Suezmax – Samsung)

Tiến độ thực hiện gói thầu		Giao hàng trong vòng 30 – 40 ngày kể từ ngày hợp đồng/đơn đặt hàng có hiệu lực			
STT	Nội dung	Ký mã hiệu/ xuất xứ hàng hoá/ yêu cầu công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Mô tả hàng hóa ⁽¹⁾
1	Mua sắm vật tư phục vụ Lắp đặt hệ thống điện, năng lượng tại các bãi công trực 30T, 50T, 60T phục vụ sản xuất dự án đóng mới tàu Suezmax – Samsung	Nêu rõ tại mục 8.2- Chương I về Yêu cầu về thông số kỹ thuật/ nội dung mời thầu (kèm theo HSDT)	Gói thầu	01	Danh mục và yêu cầu về Thông số kỹ thuật, đặc tính của hàng hóa được nêu rõ tại mục 8.2- Chương I về Yêu cầu về thông số kỹ thuật/ nội dung mời thầu (kèm theo HSDT)

CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN ⁽¹⁾				
Bên mời thầu liệt kê danh mục các dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:				
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ
1	Ghi nội dung dịch vụ 1			Ngày hoàn thành dịch vụ
2	Ghi nội dung dịch vụ 2			
..				
n	Ghi nội dung dịch vụ n			

Ghi chú: (1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu dịch vụ liên quan thì không áp dụng biểu này.

BẢNG TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN
(nhà thầu đề xuất)

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của Bên mời thầu		
STT	Thời gian thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của bên mời thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng do nhà thầu đề xuất
1	Bên mời thầu yêu cầu : Giao hàng trong vòng 30 – 40 ngày kể từ ngày hợp đồng/đơn đặt hàng có hiệu lực	

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA
(nhà thầu đề xuất)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Xuất xứ, ký mã hiệu, model, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 3 x 6)
1	2	3	4	5	6	7
1	Hàng hoá thứ 1					M1
2	Hàng hoá thứ 2					M2
....						
n	Hàng hoá thứ n					Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)						(M)

Ghi chú:
Các cột (1), (2), (3), (4) Bên mời thầu nhập theo Mẫu số 01A
Các cột (5), (6), (7) nhà thầu chào. Cột số (7) Hệ thống tự động tính.
Hoặc mẫu báo giá của nhà thầu có đầy đủ thông tin theo yêu cầu PVSM

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN (nếu có)
(nhà thầu đề xuất)

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 3x7)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Ghi nội dung dịch vụ 1						I1
2	Ghi nội dung dịch vụ 2						I2
..							
n	ghi nội dung dịch vụ n						In
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)							(I)

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5), (6,) Bên mời thầu nhập theo Mẫu số 01B

Các cột (7, Cột (8)) nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

Mẫu số 3

BẢNG ĐỀ XUẤT NHẬN SỰ
(nhà thầu đề xuất nếu có)

STT	Tên	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Công việc hiện tại				Số năm làm việc	Người xác nhận
					Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ/ Điện thoại/ Fax/ E-mail của người sử dụng lao động	Chức danh			
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]									
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]									
...										
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]									

Mẫu số 5B

THIỆT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU DỰ KIẾN HUY ĐỘNG ĐỀ THỰC HIỆN GÓI THẦU
(Nhà thầu đề xuất)

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tình trạng	Thuộc sở hữu NT/Thuê
1					
2					
3					

ĐƠN CHÀO HÀNG ⁽¹⁾

Ngày: ____ [theo thời gian trong TBMT]

Tên gói thầu: ____ [theo tên gói thầu trong TBMT]

Kính gửi: ____ [theo tên Bên mời thầu trong TBMT]

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: ____ [theo thông tin nhà thầu đã đăng ký];

- Số đăng ký kinh doanh: ____ [theo thông tin nhà thầu đã đăng ký];

Cam kết thực hiện gói thầu ____ [tên gói thầu theo thông tin trong yêu cầu báo giá] với các thông tin chính như sau:

- Số TBMT: ____ [theo số TBMT];

- Thời điểm đóng thầu: ____ [theo thời điểm đóng thầu trong TBMT];

theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá với tổng số tiền là ____ cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____ [Ghi tỷ lệ giảm giá].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____.

Hiệu lực của báo giá: ____

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính hoặc đại diện liên danh trong trường hợp nhà thầu có liên danh.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 9 Chương IV Dự thảo hợp đồng.

Ghi chú:

(1) Đơn chào hàng đã được ký bằng chữ ký số của đại diện hợp pháp của nhà thầu khi nhà thầu nộp thầu qua mạng.

Chương III. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG**A. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG****(Gói thầu mua sắm hàng hóa)**

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ ⁽²⁾ _____- Căn cứ ⁽²⁾ _____- Căn cứ ⁽²⁾ _____

- Căn cứ _____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Bản chào giá của nhà thầu;
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ*].
2. Phương thức thanh toán:
 - a) Hình thức thanh toán ____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, thư tín dụng, hoặc chuyển khoản...*].
 - b) Thời hạn thanh toán ____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật*].
 - c) Số lần thanh toán ____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng*].

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng**

Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ [*Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với yêu cầu của yêu cầu báo giá và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: ____ [*Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói thầu*].
2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:
 - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: ____ [*Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu*].
 - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: ____ [*Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam*].
 - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: ____ % giá hợp đồng [*Ghi giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng từ 2%-3% giá hợp đồng*].
 - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này cho phù hợp*].
2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; Bên B thực hiện hợp đồng chậm

tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: ____ [*Ghi thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu*].

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 12. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong hồ sơ yêu cầu, cụ thể là: ____ [*Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể về việc giao hàng và các tài liệu, chứng từ kèm theo*].

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: ____ [*Nêu yêu cầu về vận chuyển hàng hóa, bao gồm cả địa điểm giao hàng căn cứ yêu cầu và tính chất của gói thầu*].

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: ____ [*Ghi thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm... cũng như quy định về cách thức xử lý đối với các hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm*]. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 13. Bản quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng như sau: ____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này trên cơ sở đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật*].

Điều 14. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: ____ [*Nêu yêu cầu về bảo hành (nếu có) như sau: thời hạn bảo hành, phiếu bảo hành kèm theo, cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành...*].

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: [Ghi cụ thể thời gian] kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: [Ghi cơ chế xử lý tranh chấp].

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ [Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành bộ, chủ đầu tư giữ bộ, nhà thầu giữ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC**BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo hợp đồng số , ngày tháng năm)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu báo giá, báo giá và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Bảng giá tổng hợp]

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của ____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng thực hiện [hàng hoá/xây lắp/dịch vụ phi tư vấn] cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại ____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Tùy theo thoả thuận hai bên mà có thể hoặc không thực hiện bảo lãnh.

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____ [Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, _____ *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ *[ghi tên của ngân hàng]* ở _____ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại _____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾]* (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày _____ tháng _____ năm _____ ⁽³⁾ hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú: Tùy theo thoả thuận hai bên mà có thể hoặc không thực hiện bảo lãnh.

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày quy định tại nội dung Hợp đồng.